

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2024/DS-PT

Ngày: 13-9-2024

V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Trang;

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Rẻn;

Ông Phạm Văn Tinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2310/2024/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Ông Chung Văn P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số C, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2024):*

Ông Cao Văn P1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số H, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*2. Bị đơn:*

2.1. Anh Phan Văn Tuấn C, sinh năm 1984;

2.2. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số B ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn ông Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T (theo văn bản uỷ quyền ngày 23/7/2024):*

Bà Lê Thị Yên N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số B, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2.3. Anh Phan Văn S, sinh năm 1976; (vắng mặt)

2.4. Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn Tuấn C1, bà Nguyễn Ngọc T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm;*

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông P là chủ sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Từ thửa đất của ông P, để ra được đến đường công cộng phải đi qua phần đất của anh Phan Văn T1 C1 và chị Nguyễn Ngọc T thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, rồi đi đến lỏi đi thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, do hộ anh Phan Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Lỏi đi này ông P sử dụng trên 40 năm từ chủ đất cũ là ông Phan Văn T2 (cha của anh C1) đến khi anh C1 thừa hưởng thửa đất nêu trên.

Đến năm 2019 anh C1 rào đường không cho gia đình ông P tiếp tục sử dụng lỏi đi trên nên gây khó khăn cho việc đi lại, sinh hoạt hàng ngày của ông P và gia đình ông P.

Nay ông yêu cầu anh C1 và chị T mở lỏi đi có diện tích 29,9m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 56b thuộc một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; yêu cầu anh S và chị P2 mở lỏi đi có diện tích 168,3m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 59b thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ông đồng ý đền bù thiệt hại do mở lỏi đi theo giá trị quyền sử dụng đất mà Hội đồng định giá đã xác định.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của anh Phan Văn T1 C1 và chị Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Phần đất lối đi này trước đây cha anh C1 có cho ông P đi nhưng gần đây ông P xịt thuốc cỏ trên phần đất này mà không hỏi ý kiến gia đình anh C1 và ông P không nhận lỗi nên anh C1 có văng dây chừa 01m cho ông P đi ra vào. Thời gian tết năm 2022, gia đình ông P gỡ bỏ và còn chửi bới gia đình anh C1 nên nay anh C1 chỉ đồng ý cho gia đình ông P đi trên phần đất gia đình anh C1 với chiều rộng 01m tại vị trí mương ranh giữa đất anh C1 với đất anh Phan Văn S, không đồng ý theo yêu cầu của ông P mở lối đi tại vị trí cũ có chiều rộng 1,5m. Anh C1 không yêu cầu ông P phải bồi thường thiệt hại hay hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất trên phần đất anh C1 đồng ý cho ông P mở lối đi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn S trình bày:*

Anh đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ số 10, diện tích 5.424,7m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tại phần đất ông Chung Văn P yêu cầu mở lối đi ký hiệu thửa 59b (163,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10 từ trước đến nay anh để cho anh Phan Văn T1 C1 quản lý, sử dụng và thu hoa lợi trên đất. Nay gia đình ông P yêu cầu mở lối đi trên phần đất này anh chỉ đồng ý mở một lối đi có chiều rộng 0,5m tại vị trí phần đất giáp ranh giữa anh với anh C1, không đồng ý theo yêu cầu của ông P mở lối đi tại vị trí cũ với chiều rộng 1,5m. Do từ trước đến nay phần đất bờ dừ anh C1 quản lý, sử dụng và trên đất có lối đi ông P yêu cầu mở nên anh đồng ý để anh C1 toàn quyền quyết định việc giải quyết vị trí lối đi này với ông P.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã tuyên:

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, 164, 165 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Văn P đối với bị đơn anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 và anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T.

1.1. Buộc anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 dành cho ông Chung Văn P lối đi có diện tích 168,3m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 59b thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.2. Buộc anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T dành cho ông Chung Văn P lối đi có diện tích 29,9m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 56b thuộc một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.3. Buộc ông Chung Văn P có nghĩa vụ đền bù cho anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 33.660.000 (ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng.

1.4. Buộc ông Chung Văn P có nghĩa vụ đền bù cho anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 4.795.000 (bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2024, các bị đơn anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, anh C1, chị T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng dời lối đi về dọc theo ranh đất bề rộng lối đi 01m.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của anh C1, chị T thay đổi nội dung đơn kháng cáo. Anh C1, chị T đồng ý dời lối đi đến gần mí nương ranh, lối đi có chiều rộng 1,5m.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông P không đồng ý với kháng cáo của các bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn anh C1, chị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Bị đơn anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T, kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre đã được anh C1 thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N1 chi nhánh T3. Tuy nhiên, theo văn bản số 460/NHNo.TP-KH ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ngân hàng N1 chi nhánh T3 xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu anh C1 và chị T mở lối đi có diện tích 29,9m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 56b thuộc một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; yêu cầu anh S và chị P2 mở lối đi có diện tích 168,3m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 59b thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ông P đồng ý đền bù thiệt hại do mở lối đi theo giá trị quyền sử dụng đất mà Hội đồng định giá đã xác định.

Bị đơn anh C1, chị T chỉ đồng ý cho gia đình ông P đi trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 56 của anh C1 với chiều rộng 01m tại vị trí gần mí mương ranh giữa đất anh C1 với đất anh Phan Văn S, không đồng ý theo yêu cầu của ông P mở lối đi tại vị trí cũ có chiều rộng 1,5m.

Bị đơn anh S chỉ đồng ý mở một lối đi có chiều rộng 0,5m thuộc một phần thửa đất số 59 tại vị trí phần đất giáp ranh giữa anh với anh C1, không đồng ý theo yêu cầu của ông P mở lối đi tại vị trí cũ với chiều rộng 1,5m.

Xét kháng cáo của anh C1, chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định như sau: Phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có diện tích 29,9m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 56b thuộc một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10 do anh Phan Văn Tuấn C1 đứng tên quyền sử dụng đất và diện tích 168,3m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 59b thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10 do hộ anh Phan Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Phần lối đi tranh chấp hiện nay là lối đi có sẵn, trên đất chỉ trồng cỏ, ngoài ra không có cây trồng hay công trình kiến trúc nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông P là chủ sử dụng phần đất có diện tích 4.817m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này bị vây bọc bởi các phần đất của chủ sử dụng khác. Để ra đến đường công cộng, ông P phải đi qua lối đi đang tranh chấp nằm trong phần đất

thuộc thửa đất số 56 và thửa đất số 59, cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. Các bên thống nhất về thời gian hình thành lối đi này là đã có từ lâu, trước đây các bị đơn cho nguyên đơn sử dụng lối đi này và không có ý kiến gì, nhưng do vào năm 2019 hai bên có mâu thuẫn với nhau nên bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn đi trên lối đi cũ rộng 1,5m nữa.

[2.2] Xét lời trình bày của bị đơn anh C1 đồng ý mở cho ông P một lối đi có chiều rộng 1,5m từ đất ông P đi qua thửa đất số 56 và thửa 59 tại vị trí gần mí mương ranh, không đồng ý mở lối đi có chiều rộng 1,5m theo yêu cầu vị trí lối đi cũ của ông P là không có cơ sở.

Bởi lẽ, căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2023 thể hiện ngoài lối đi này ra, nguyên đơn không còn lối đi nào khác, vị trí lối đi này nằm gần con mương ranh, hiện trạng vẫn là lối đi, không có cây trồng hay công trình kiến trúc trên đất, hơn nữa thực tế phía bị đơn cũng cho nguyên đơn sử dụng lối đi này từ trước cho đến nay, việc nguyên đơn sử dụng lối đi từ xưa đến nay chưa ảnh hưởng gì đến việc sử dụng đất của bị đơn. Mặt khác, trên phần đất bị đơn yêu cầu mở lối đi mới có nhiều cây dừa, việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn tự bồi đắp, mở lối đi khác ngay mí mương ranh sẽ tốn kém về thời gian, chi phí cho việc tạo thành một lối đi mới. Ngoài ra như đã phân tích trên bị đơn không cho nguyên đơn tiếp tục đi là do hai bên có mâu thuẫn với nhau chứ không phải do việc nguyên đơn sử dụng lối đi làm ảnh hưởng đến việc canh tác đất của bị đơn.

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Quyền về lối đi qua” như sau: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liên kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi”*.

Từ những phân tích trên, cho thấy việc mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn là thuận tiện và hợp lý nhất, ít gây thiệt hại cho bất động sản có mở lối đi, cũng như chi phí cho việc mở lối đi.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Căn cứ theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự thì chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền. Do đó, ông P phải có trách nhiệm đền bù ½ giá trị quyền sử dụng đất của lối đi cho anh C1, chị T.

Theo biên bản định giá ngày 11/7/2023 của Hội đồng định giá huyện T, tỉnh Bến Tre xác định giá trị như sau:

$\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất là: Vị trí 1:  $(14,1m^2 \times 400.000 \text{ đồng}/m^2):2$  + vị trí 2:  $(15,8m^2 \times 250.000 \text{ đồng}/m^2):2 = 4.795.000$  đồng.

Ông P có nghĩa vụ hoàn trả cho anh C1, chị T tổng cộng số tiền là 4.795.000 đồng.

Quá trình sử dụng lỗi đi nếu nguyên đơn gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định pháp luật.

[3] Anh C1, chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

[4] Đối với các phần còn lại của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C1, chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Văn P đối với bị đơn anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 và anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T.

1.1. Buộc anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 dành cho ông Chung Văn P lối đi có diện tích 168,3m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 59b thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

1.2. Buộc anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T dành cho ông Chung Văn P lối đi có diện tích 29,9m<sup>2</sup> ký hiệu thửa 56b thuộc một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

1.3. Buộc ông Chung Văn P có nghĩa vụ đền bù cho anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 33.660.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.4. Buộc ông Chung Văn P có nghĩa vụ đền bù cho anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 4.795.000đ (bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

1.5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.6. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 và anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T đối với phần lối đi nêu trên.

Ông Chung Văn P được quyền nâng cấp, sửa chữa, bồi đắp, tôn tạo lối đi; được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị P2 và anh Phan Văn Tuấn C1, chị Nguyễn Ngọc T đối với phần lối đi mà ông P được sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

2. Về chi phí tố tụng là 2.981.000đ (hai triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng), ông Chung Văn P tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chung Văn P được miễn nộp tiền án phí.

Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị P2 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).



Anh Phan Văn Tuấn C1 và chị Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

### 3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phan Văn Tuấn C1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000085 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Anh C1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000086 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Trang**